

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/DS-PT

Ngày: 18/01/2024

*V/v tranh chấp thừa kế,
quyền sử dụng đất.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Công Phương.

- *Các Thẩm phán:* Ông Thái Văn Hà.

Ông Phan Minh Dũng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hùng Cường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thanh Trúc- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 94/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp thừa kế tài sản và quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 89/2023/DS-ST ngày 07 tháng 06 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 212/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Võ Thị M**; cư trú tại: **F N, thị trấn N, huyện P, tỉnh Bình Định**; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Vũ M1**; cư trú tại: **Tổ D, khu V, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định**; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Huỳnh Thị Thu H**; vắng mặt.

2. Chị **Nguyễn Bảo N**; vắng mặt.

3. Chị **Nguyễn Thị Thanh T**; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: **Tổ D, khu V, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định**.

4. Ông **Trần Xuân C**; vắng mặt.

5. Bà **Trần Vũ Uyên T1**; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: **P**, tầng 3, block C (C38), **Chung cư L, thành phố Q, tỉnh Bình Định**.

6. Ông **Nguyễn Minh H1**; cư trú tại: **B, đường D, khu phố H, phường H, thành phố T, Thành Phố Hồ Chí Minh**; vắng mặt.

7. Ông **Đặng Thế V**; cư trú tại: **F N, thị trấn N, huyện P, tỉnh Bình Định**; vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Ông **Nguyễn Vũ M1** là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Nguyên đơn bà **Võ Thị M** trình bày:*

Cha bà là cụ **Võ C1**, chết năm 2009, mẹ bà là cụ **Trần Thị Xuân L**, chết năm 2007. Cha mẹ bà có 03 người con chung, gồm: Bà **Võ Thị M2**, chết năm 2012 có chồng là **Trần Xuân C** và một người con là **Trần Vũ Uyên T1**. Bà **Võ Thị L1** chết năm 1979, có chồng là **Nguyễn Thái H2** chết năm 1982 và hai người con là **Nguyễn Vũ M1**, **Nguyễn Minh H1** và bà là **Võ Thị M**. Ngoài ra, cha mẹ bà không có con nuôi, con riêng nào khác.

Nguồn gốc di sản của hai cụ để lại là thửa đất số 193, tờ bản đồ số 43, diện tích 955,2m², tọa lạc tại **tổ D, khu V, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định**, đã được **UBND phường N** chứng nhận hợp lệ về đất ở năm 2004, trên thửa đất có ngôi nhà diện tích khoảng 60m². Lúc còn sống hai cụ có chuyển nhượng cho ông **Nguyễn Hải Đ**, ông **Đỗ Thành V1** và bà **Trần Vũ Uyên T1**, mỗi lô có diện tích 4,8m x 23m (110,4m²). Tổng diện tích chuyển nhượng là 331,2m², ngày 16/10/2023 bà **T1** chuyển nhượng lại lô đất cho bà với giá 50.000.000 đồng.

Năm 2008, cụ **Võ C1** lập di chúc để lại phần di sản của cụ cho bà và bà phải có trách nhiệm canh phụng tổ đường, lo cúng kị các ngày giỗ ông bà hàng năm, lo hậu sự chôn cất, tang tuần, xây mộ cho cụ **C1** khi qua đời. Di chúc này đã được **Ủy ban nhân dân phường N** chứng thực. Khi hai cụ còn sống bà là người chăm sóc, nuôi dưỡng hai cụ, tôn tạo di sản, lo hậu sự và cúng giỗ hàng năm.

Năm 2010, ông **Nguyễn Vũ M1** chiếm toàn bộ thửa đất mà bà nhận chuyển nhượng từ bà **T1** và 01 phần đất của thuộc di sản thừa kế của hai cụ để xây dựng nhà ở. Theo kết quả đo đạc, tổng diện tích đất tranh chấp là 706,4m², trong đó đất bà phần đất bà nhận chuyển nhượng từ bà **T1** là 110,4m².

Nay, bà khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ **L** chết để lại theo pháp luật, phần của cụ **C1** đã di chúc cho bà và phần của bà **M2** cũng đã tặng cho bà theo là hợp pháp. Đối với phần đất hiện nay ông **M1** đang quản lý, sử dụng có diện tích 265,7m², trong đó có 110,4m² đất bà nhận chuyển nhượng của bà **T1**, 155,3m² đất thuộc di sản thừa kế của hai cụ nên bà yêu cầu ông **M1** trả lại đất cho bà. Nếu ông **M1** thanh toán lại giá trị quyền sử dụng đất thì bà đồng ý

cho ông **M1** thanh toán 1.500.000.000 đồng, thấp hơn giá của Hội đồng định giá. Tại phiên tòa sơ thẩm bà yêu cầu ông **M1** phải thanh toán cho bà 2.000.000.000 đồng.

*Bị đơn ông **Nguyễn Vũ M1** trình bày:*

Thông nhất như lời trình bày của nguyên đơn về huyết thống, năm mất của cụ **C1**, cụ **L**, thống nhất về di sản thừa kế của hai cụ. Ông không đồng ý chia thừa kế nhà, đất này. Hiện nay ông đang quản lý, sử dụng, có một phần đất là di sản thừa kế của hai cụ. Từ khi hai cụ mất ngôi nhà không có sửa chữa, không có mua bán, tặng cho ai. Ông là người sống với ông hai cụ từ lúc nhỏ và ông là người chăm sóc hai cụ, bà **M2** chỉ hỗ trợ tiền để lo cho hai cụ. Nay bà **M** yêu cầu ông trả lại 110,4m² đất thì ông đồng ý, nhưng cho rằng giá Hội đồng định là cao nên ông xin thời gian về thương lượng với gia đình. Hiện nay gia đình ông không có chỗ ở khác. Tại phiên Tòa phúc thẩm, ông cho rằng ông không lấn chiếm 110,4m² đất của bà **T1** và ông cũng không biết việc bà **T1** chuyển nhượng đất cho bà **M**, việc cấp sơ thẩm buộc ông phải trả cho ba Mẹo 2 tỷ đồng là không đúng nên ông không chấp nhận yêu cầu của bà **M**.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Huỳnh Thị Thu H** trình bày:*

Bà thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế, năm mất của hai cụ và di sản của hai cụ để lại. Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà đồng ý theo yêu cầu của bị đơn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị **Nguyễn Thị Thu T2** trình bày:* Thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của bị đơn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị **Nguyễn Bảo N** trình bày:* Thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của bị đơn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Đặng Thế V** trình bày:* Thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Trần Xuân C**, bà **Trần Vũ Uyên T1** và ông **Nguyễn Minh H1** :* Không có lời khai.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 132/2023/DS-ST ngày 20 tháng 07 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã Quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia thừa kế và đòi lại quyền sử dụng đất của nguyên đơn bà **Võ Thị M**.

Xác định quyền sở hữu ngôi nhà hiện trạng xây dựng là 108,9m² gắn liền với quyền sử dụng diện tích 596m² thuộc thửa đất số 193, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại tổ D, khu V, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định là di sản thừa kế của cụ **Võ C1**, cụ **Trần Thị Xuân L**.

Công nhận di chúc của ông **Võ C1** lập ngày 18/01/2008 được chứng thực tại UBND phường N, thành phố Q là hợp pháp.

Giao bà **Võ Thị M** được quyền sở hữu ngôi nhà mã N4, diện tích 53,5m² và mã nhà N5, diện tích 55,4m² chất lượng còn lại 60%, tổng diện tích hiện

trạng xây dựng là 108,9m² gắn liền với quyền sử dụng đất 440,7m², gồm có 140m² đất ở và 300,7m² đất vườn, thuộc thửa đất số 193, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại tổ D, khu V, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (phần ký hiệu A theo trích đo địa chính thửa đất kèm theo bản án); có tứ cận: Đông giáp nhà, đất giao cho anh Nguyễn Vũ M1; Tây giáp đường bê tông; Nam giáp đường bê tông; Bắc giáp đường bê tông.

Bà võ Thị M3 có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo nội dung quyết định của bản án này theo đúng quy định pháp luật.

Buộc bà Võ Thị M có nghĩa vụ thanh toán cho:

Ông Nguyễn Vũ M1, ông Nguyễn Minh H1 419.464.000 đồng

Ông Trần Xuân C và bà Trần Vũ Uyên T1 96.020.666 đồng

Ghi nhận sự tự nguyện của bà M công nhận diện tích xây dựng là 108,9m² cũng như giá trị xây dựng tường gạch, trụ bê tông cốt thép và trụ cổng là di sản thừa kế để chia, không yêu cầu giải quyết phân cơi nới, sửa chữa nhà thuộc di sản thừa kế và nhất trí hiệu nội dung di chúc ngày 18/01/2008 của cụ C1 và phần tặng cho quyền thừa kế của bà Võ Thị M2 tặng cho bà có giấy chứng thực tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q, chỉ định đoạt cho bà phần thừa kế quyền sử dụng đất.

Giao ông Nguyễn Vũ M4 được quyền sở hữu ngôi nhà mã nhà N5, diện tích 49,5m², nhà mã N2, diện tích 43,9m² chất lượng còn lại 75% gắn liền với quyền sử dụng đất 265,7m², gồm có 140m² đất ở và 125,7m² đất vườn thuộc thửa đất số 193, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại tổ D, khu V, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (phần ký hiệu B theo trích đo địa chính thửa đất kèm theo bản án); có tứ cận: Đông giáp nhà, đất ông V1 và ông D; Tây giáp nhà, đất giao cho bà Võ Thị M; Nam giáp đường bê tông; Bắc giáp đường bê tông và nhà, đất của ông T3.

Ông Nguyễn Vũ M1 có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo nội dung quyết định của bản án này theo đúng quy định pháp luật.

Buộc ông Nguyễn Vũ Minh t có nghĩa vụ thanh toán cho bà Võ Thị M 2.000.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà M yêu cầu ông M1 thanh toán cho bà 2.000.000.000 đồng giá trị diện tích 265,7m² quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, quyền, nghĩa vụ thi hành án, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 02 tháng 08 năm 2023, bị đơn ông Nguyễn Vũ M1 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm không công nhận di chúc của ông Võ C1 cho bà Võ Thị M, không đồng ý thanh toán giá trị quyền sử dụng đất cho bà Võ Thị M.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về Tổ tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.
- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Vũ M1, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Vũ M1, HĐXX thấy rằng:

[1.1] Đối với di chúc của cụ Võ C1: Ngày 18/01/2008, cụ Võ C1 lập di chúc với nội dung để cho bà M thừa hưởng phần đất của mình trong thửa đất số 193, tờ bản đồ số 43 và bà M có trách nhiệm canh phụng tổ đường, lo cúng kỵ các ngày giỗ ông bà hàng năm, lo hậu sự cho cụ lúc qua đời và di chúc đã được UBND phường N chứng thực. Xét thấy về hình thức và nội dung của di chúc là đúng quy định của pháp luật nên cấp sơ thẩm xác định di chúc của Cụ C2 hợp pháp là có căn cứ. Kháng cáo về phần này của ông M1 là không có cơ sở nên không được HĐXX chấp nhận.

[1.2] Đối với việc giao đất ở cho bà Võ Thị M và ông Nguyễn Vũ M1: Theo quy định tại Quyết định số: 37/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh B, thì hạn mức đất ở tại phường N T là không quá 140m². Do Di sản của vợ chồng cụ Võ C1, cụ Trần Thị Xuân L chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các diện tích đất chuyển nhượng chưa được tách thửa nên từ trước cho đến nay vẫn chỉ là 01 thửa đất có số hiệu 93, tờ bản đồ số 43, diện tích theo hiện trạng thực tế (sau khi chuyển nhượng cho một số người) là 596,4m², trong đó có 140m² đất ở và 456m² đất vườn. Cụ C1 di chúc phần của cụ cho bà M nên bà M được hưởng riêng theo di chúc là 596,4m² : 2 = 298,2m² (trong đó có 70m² đất ở và 228,2m² đất vườn). Phần đất còn lại của cụ L 298,2m² (trong đó có 70m² đất ở và 228,2m² đất vườn), nhưng cấp sơ thẩm lại giao cho ông M1 và bà M mỗi người 140m² đất ở là không có cơ sở nên HĐXX phúc thẩm giao cho ông M1 và bà M mỗi người 70m² đất ở theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, phần di sản của cụ L được chia lại theo pháp luật cho 03 kỹ phần là Bà M2, bà L1, bà M, cụ thể: (70m² đất ở : 3 kỹ phần) = 23,3m²/kỹ phần x 18.000.000 đồng/m² = 419.400.000 đồng; (228,2m² đất vườn: 3 kỹ phần) = 76m²/kỹ phần x 148.000/m² = 11.257.866 đồng. Phần đất bà M2 đã tặng cho bà M nên bà M được nhận (23,3m²/kỹ phần đất ở + 76m²/kỹ phần đất vườn) x 2 = (46,6 m² đất ở và 152m² đất vườn), có giá trị (419.400.000 đồng + 11.257.866 đồng) x 2 = 861.415.732 đồng, nhưng do bà M được giao 32,5m² đất vườn (trong phần đất của cụ L trừ vào phần đất ông M1 được giao (298,2m² - 265,7m² = 32,5m² = 4.810.000 đồng) nên giá trị tài sản thừa kế bà M được hưởng từ cụ L là: (861.415.732 đồng - 4.810.000 đồng) = 856.605.732 đồng. Ông M1 và ông H1 được thừa kế thế vị của bà L1 nên mỗi người được nhận: (23,3m²/kỹ phần đất ở + 76m²/kỹ phần đất vườn) : 2 = (11,65 m² đất ở và 38m² đất vườn), có giá trị: (419.400.000 đồng + 11.257.866 đồng) : 2 = 215.328.933 đồng. Ông M1

được giao 265,7m² đất (trong đó có 70m² đất ở và 195,7m² đất vườn), có giá trị: (70m² đất ở x 18.000.000 đồng/m² = 1.260.000.000 đồng) + (195,7m² đất vườn x 148.000 đồng/m² = 28.963.600 đồng) = 1.288.963.000 đồng nên phải có nghĩa vụ giao lại giá trị chênh lệch kỹ phần thừa kế cho ông Nguyễn Minh H1 là 215.328.933 đồng và bà M là 856.605.732 đồng. Bà M được giao sở hữu phần xây dựng ngôi nhà, có giá trị 288.062.000 đồng nên phải có nghĩa vụ giao cho ông Trần Xuân C, bà Trần Vũ Uyên T1 là hàng thừa kế thứ nhất của cụ C1, cụ L, ông Nguyễn Vũ M1 và ông Nguyễn Minh H1 là người thừa kế thế vị của bà L1, mỗi người 48.000.000 đồng giá trị kỹ phần chia thừa kế là nhà và vật kiến trúc. Do đó, sau khi cân trừ nghĩa vụ thì ông M1 phải thanh toán cho bà M: 856.605.732 đồng - 48.000.000 đồng = 808.605.732 đồng.

[1.3] Đối với phần 110m² đất bà M nhận chuyển nhượng của bà T1, thì tại phần nhận định của bản án sơ thẩm, cấp sơ thẩm đã xác định: "... thừa đất số 193, tờ bản đồ số 43 có nhà ở 108,9m² trên diện tích đất 706,4m² trừ phần diện tích 110m² vợ chồng ông C1, bà L cho chị T1 thì diện tích đất còn lại là 596,4m² là tài sản chung và là di sản thừa kế của ông Võ C1 và bà Trần Thị Xuân L...". Như vậy, diện tích đất của bà M nhận chuyển nhượng của bà T1 đã được trừ ra cho bà M trước khi giải quyết chia thừa kế quyền sử dụng đất của vợ chồng cụ C1, cụ L. Mặt khác, việc chia thừa kế thực tế là chia theo hiện trạng phần đất ông M1 đang quản lý, sử dụng (265,7m²), vì diện tích phần đất này là gần bằng với diện tích phần đất là di sản của cụ L để lại (298,2m²) và việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất chỉ là giấy viết tay, không có biên bản cầm mốc, giao đất trên thực địa, việc chuyển nhượng giữa hai bên ông M1 không biết nên cấp sơ thẩm nhận định ông M1 lấn chiếm phần đất của bà M nhận chuyển nhượng lại của bà T1 để sử dụng là không có cơ sở. Kháng cáo về phần này của ông M1 là có cơ sở nên được HĐXX chấp nhận.

[2] Từ những phân tích trên, xét thấy một phần kháng cáo của ông Nguyễn Vũ M1 là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận. sửa một phần bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí, chi phí tố tụng khác:

[3.1] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thì bà Võ Thị M, ông Trần Xuân C, bà Trần Vũ Uyên T1, ông Nguyễn Vũ M1 và ông Nguyễn Minh H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản được nhận. Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch do yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất không được chấp nhận. Ông Nguyễn Vũ M1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3.2] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 8.000.000 đồng, bà Võ Thị M đã ứng chi xong nên các đương sự khác phải thanh toán lại cho bà M với số tiền tương ứng với phần giá trị tài sản được chia.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm là phù hợp với nhận định của HĐXX. Về việc giải quyết vụ án là có một phần phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 148, các Điều 157, 165, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 633, 634, 635, 646, 652, 667, 674, 675, 676, 677 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ các Điều 623, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông **Nguyễn Vũ M1**. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 132/2023/DS-ST ngày 20 tháng 07 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1. Xác định quyền sở hữu ngôi nhà hiện trạng xây dựng là 108,9m² gắn liền với quyền sử dụng diện tích 596,4m² thuộc thửa đất số 193, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại **tổ D, khu V, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định** là di sản thừa kế của vợ chồng cụ **Võ C1** và cụ **Trần Thị Xuân L**.

1.1 Công nhận di chúc của cụ **Võ C1** lập ngày 18/01/2008 được chứng thực tại **UBND phường N, thành phố Q** là hợp pháp.

1.2 Bà **Võ Thị M** được quyền sở hữu ngôi nhà mã N4, diện tích 53,5m² và mã nhà N5, diện tích 55,4m² chất lượng còn lại 60%, tổng diện tích hiện trạng xây dựng là 108,9m² gắn liền với quyền sử dụng 440,7m² đất (trong đó có 70m² đất ở và 370,7m² đất vườn), thuộc thửa đất số 193, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại **tổ D, khu V, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định**; có tứ cận: Đông giáp nhà, đất giao cho ông **Nguyễn Vũ M1**; Tây giáp đường bê tông; Nam giáp đường bê tông; Bắc giáp đường bê tông(phần ký hiệu A theo trích đo địa chính thửa đất kèm theo bản án sơ thẩm).

1.3 Buộc bà **Võ Thị M** phải có nghĩa vụ thanh toán cho: Ông **Trần Xuân C**, bà **Trần Vũ Uyên T1** và ông **Nguyễn Minh H1** mỗi người 48.000.000 đồng giá trị kỷ phần chia thừa kế.

1.4 Ông **Nguyễn Vũ M1** được quyền sử dụng 265,7m² đất (trong đó có 70m² đất ở và 195,7m² đất vườn), thuộc thửa đất số 193, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại **tổ D, khu V, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định**; có tứ cận: Đông giáp nhà, đất ông **V1** và ông **D**; Tây giáp nhà, đất giao cho bà **Võ Thị M**; Nam giáp đường bê tông; Bắc giáp đường bê tông và nhà, đất của ông **T3** (phần ký hiệu B theo trích đo địa chính thửa đất kèm theo bản án sơ thẩm).

Buộc ông **Nguyễn Vũ Minh t** phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà **Võ Thị M** 808.605.732 đồng và ông **Nguyễn Minh H1** 215.328.933 đồng giá trị chênh lệch kỷ phần chia thừa kế.

2. Về án phí, chi phí tố tụng khác:

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà **Võ Thị M** phải chịu 36.558.171 đồng, nhưng được khấu trừ vào 3.937.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo các Biên lai thu số: 0000903 ngày 17/01/2019 và số 0002702 ngày 28/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn nên bà **M** còn phải nộp 32.621.171 đồng.

- Ông **Nguyễn Vũ M1** phải chịu 13.166.446 đồng.

- Ông **Nguyễn Minh H1** phải chịu 13.166.446 đồng.

- Ông **Trần Xuân C** và bà **Trần Vũ Uyên T1**, mỗi người phải chịu 2.400.000 đồng.

2.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho ông **Nguyễn Vũ M1** 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu số: 0004240 ngày 14/8/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

2.3 Chi phí tố tụng khác: Bà **Võ Thị M** phải chịu 4.000.000 đồng (đã nộp chi xong) và đã ứng chi xong 4.000.000 đồng nên các ông **Nguyễn Vũ M1** và **Nguyễn Minh H1** mỗi người phải hoàn trả cho bà **Võ Thị M** 1.500.000 đồng, ông **Trần Xuân C** và Bà **Trần Vũ Uyên T1** mỗi người phải hoàn trả cho bà **M** 500.000 đồng.

3. Quyền, nghĩa vụ thi hành án:

3.1 Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
PHÚC THẨM

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND TP. Quy Nhơn;
- CCTHADS TP. Quy Nhơn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

Võ Công Phương

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Văn Hà Phan Minh Dũng

Võ Công Phương